TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự

2. Ông Phan Tấn Cường

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Hoa– Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn T - sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2/ Bị đơn: Chị Trần S – sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 84, ấp TH, xã TM, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn anh Nguyễn T trình bày:* Anh và chị Trần S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị S không biết tôn trọng anh và thường xuyên tự ý đi về nhà cha mẹ ruột, dần dần ở luôn mà không về nhà từ năm 2011, và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống

được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần S; về con chung: anh và chị S có với nhau 02 con chung tên Nguyễn N – sinh ngày 22/5/2001 và Nguyễn G, sinh ngày 14/6/2006, từ khi chị S bỏ nhà ra đi, các cháu sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Đối với bị đơn chị Trần S: Từ khi Tòa án thụ lý đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và văn bản tố tụng cho người thân (cha ruột của chị S), nhưng chị S không đến Tòa án để trình bày và cung cấp chứng cứ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu quan điểm: Xét thấy Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy đời sống vợ chồng của anh T và chị S đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay mà không thể hòa giải hàn gắn được, nên mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T; con chung: Giao anh T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn T yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với chị Trần S. Căn cứ vào Điều 28, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng chị S cố tình vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn T đối với chị Trần S. Anh T và chị S chung sống từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Từ năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị S bỏ nhà về nhà cha mẹ ruột ở xã TM, Huyện D sinh sống và không trở về với anh T cùng các con. Tuy chị S không đến Toàn án để trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ, nhưng qua lời trình bày của ông Trần L (cha ruột chị S) xác định vợ chồng của anh T và chị S đã xảy ra mâu thuẫn và chị S về sống với gia đình ông gần 10 năm nay. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị S không thể hòa giải đoàn tụ chung sống được. Vì vậy với yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị S.

[3] Về con chung: Anh T và chị S có với nhau 02 con chung tên Nguyễn N – sinh ngày 22/5/2001 và Nguyễn G, sinh ngày 14/6/2006. Từ khi chị S bỏ nhà ra

đi, các cháu sống với anh T và cháu N, cháu G có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Do đó căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Chị S được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyên Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, kiểm sát viên tại phiên Tòa phát biểu quan điểm về vụ án là hoàn toàn có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn T đối với chị Trần S.

Anh Nguyễn T và chị Trần S được ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 cháu Nguyễn N – sinh ngày 22/5/2001 và Nguyễn G, sinh ngày 14/6/2006 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần S được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011550 ngày 22/3/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Trần S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THA Huyện DMC;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Văn Diệp